

### QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Danh mục kinh phí đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ năm 2020 - đợt 1

### HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Căn cứ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/4/2014 của Chính phủ về Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về việc Hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 103/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 20/7/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản lý Quỹ phê duyệt Danh mục đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ năm 2020 - đợt 1;

Xét đề nghị của Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kinh phí 177 đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ năm 2020 - đợt 1 với tổng kinh phí là 152.875.000.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm năm mươi hai tỷ tám trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn). Danh mục 177 đề tài và kinh phí tài trợ kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Giao Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia ký hợp đồng nghiên cứu khoa học với chủ nhiệm đề tài và tổ chức chủ trì đề tài được tài trợ theo các quy định hiện hành.

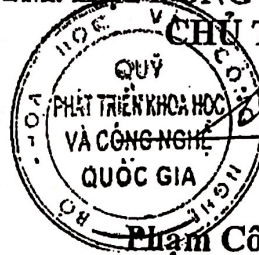
Trong quá trình ký kết hợp đồng nghiên cứu khoa học, Cơ quan điều hành Quỹ được phép điều chỉnh dự toán kinh phí của các đề tài theo nguyên tắc đảm bảo tổng kinh phí và kinh phí khoán chỉ không vượt quá định mức đã được phê duyệt.

**Điều 3.** Giám đốc Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia, Thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Nơi nhận:*

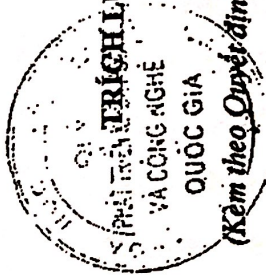
- Như Điều 3;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN LÝ QUỸ**



**Phạm Công Tạc**





**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN VÀ KỸ THUẬT**  
**DO QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA TÀI TRỢ NĂM 2020 - ĐỢT 1**

(Kèm theo Quyết định số 133/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 21 tháng 9 năm 2020 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia)

STT	Mã số	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Cơ quan chủ trì	Thời gian thực hiện (tháng)	Tổng kinh phí tối đa (tr đồng)	Kinh phí khoán chi tối đa (tr đồng)	Hình thức giao khoán
1	105.01-2020.13	Bản chất mối quan hệ giữa đá peridotit manti và các đá vỏ đại dương trong tổ hợp ophiolit đới khâu sông Mã: Ý nghĩa của chúng trong nghiên cứu tiến hóa magma - kiến tạo khu vực	TS Nguyễn Khắc Du	Trường Đại học Mở - Địa chất	36	817,00	817,00	Khoán chi từng phần

*vu*

Ngày 15 tháng 10 năm 2020

**HỢP ĐỒNG NGHIÊN CỨU KHOA HỌC**

*(Dùng cho đề tài nghiên cứu cơ bản)*

Số: 20/2020/105/HĐTN

Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015;

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013;

Căn cứ Nghị định số 23/2014/NĐ-CP ngày 03/04/2014 của Chính phủ về điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT-BTC-BKHCN ngày 22/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ;

Căn cứ Quyết định số 133/QĐ-HĐQL-NAFOSTED ngày 21/9/2020 của Hội đồng quản lý Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia về việc phê duyệt kinh phí đề tài nghiên cứu cơ bản trong khoa học tự nhiên và kỹ thuật do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ năm 2020 - đợt 1;

**CHÚNG TÔI GỒM:**

**1. Bên tài trợ (Bên A): QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

- Đại diện là Ông: Đỗ Tiến Dũng
- Chức vụ: Giám đốc.
- Địa chỉ: 39 Trần Hưng Đạo, Hoàn Kiếm, Hà Nội
- Điện thoại: 04-39367750
- Số tài khoản: 3761.0.1027485.91027 Tại Kho bạc Nhà nước Hà Nội.
- Mã số sử dụng ngân sách: 1027485

**2. Bên nhận tài trợ (Bên B): Trường Đại học Mỏ - Địa chất**

***Tổ chức chủ trì đề tài***

- Do Ông/Bà: Trần Thanh Hải
- Chức vụ: Hiệu trưởng làm đại diện.



- Địa chỉ: Số 18 Phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
- Điện thoại: 84-24-3838 9633  
- Tên giao dịch tại Kho bạc: Trường Đại học Mỏ - Địa chất  
- Số tài khoản: 3713.0. 1055493.00000      Tại: KHO BẠC NHÀ NƯỚC  
NAM TỪ LIÊM

- Mã số sử dụng ngân sách: 1055493

**Chủ nhiệm đề tài**

- Họ và tên: Nguyễn Khắc Du  
- Chức danh khoa học: Tiến sĩ  
- Đơn vị công tác: Trường Đại học Mỏ - Địa chất  
- Địa chỉ: Số 18 Phố Viên, Phường Đức Thắng, Quận Bắc Từ Liêm, Hà Nội  
- Điện thoại cơ quan: 84-24-3838 4973      Mobile: 0983 308 746  
- E-mail: [nguyenkhacdu@humg.edu.vn](mailto:nguyenkhacdu@humg.edu.vn)

Hai bên cùng thoả thuận và thống nhất ký kết Hợp đồng nghiên cứu khoa học (sau đây gọi tắt là Hợp đồng) với các điều khoản sau:

**Điều 1. Tài trợ thực hiện**

Bên A tài trợ kinh phí để Bên B thực hiện đề tài do Bên B đề xuất: Bản chất mối quan hệ giữa đá peridotit manti và các đá vỏ đại dương trong tổ hợp ophiolit đới khâu sông Mã: Ý nghĩa của chúng trong nghiên cứu tiến hóa magma - kiến tạo khu vực (dưới đây viết tắt là Đề tài) - Mã số 105.01-2020.13 theo các nội dung trong Thuyết minh Đề tài đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (sau đây gọi tắt là Thuyết minh).

Thuyết minh và các Phụ lục là bộ phận không tách rời của Hợp đồng.

**Điều 2. Thời gian thực hiện hợp đồng**

Thời gian thực hiện Đề tài: **36 tháng**, từ tháng 01/2021 đến tháng 01/2024.

**Điều 3. Kinh phí thực hiện Đề tài**

1. Tổng kinh phí do Bên A tài trợ để thực hiện đề tài (Giá trị hợp đồng) là: 817.000.000 đồng (*bằng chữ: Tám trăm mười bảy triệu đồng chẵn*).

2. Hình thức giao khoán (theo quy định tại Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách nhà nước): Khoán chi từng phần, trong đó:

- Kinh phí khoán chi: 817.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám trăm mười bảy triệu đồng chẵn)

- Kinh phí không khoán chi: 0 đồng (Bằng chữ: Không đồng).

3. Kinh phí tài trợ Bên A cấp cho Bên B theo tiến độ thực hiện Đề tài như sau:



a) **Cấp kinh phí đợt 1:** Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên A cấp cho bên B tối đa 50% giá trị hợp đồng, tương đương với 408.500.000 đồng (*bằng chữ:* Bốn trăm lẻ tám triệu năm trăm nghìn đồng) để Bên B thực hiện nội dung hợp đồng năm thứ nhất (12 tháng).

b) **Cấp kinh phí đợt 2:** Sau khi bên A đánh giá xác nhận khối lượng công việc và kinh phí đã thực hiện của bên B, Bên A xem xét để quyết định cấp tiếp 30% giá trị hợp đồng, tương đương 245.100.000 đồng (*bằng chữ:* Hai trăm bốn mươi lăm triệu một trăm nghìn đồng) để Bên B thực hiện nội dung hợp đồng năm thứ hai (12 tháng).

c) **Cấp kinh phí đợt 3:** Sau khi bên A đánh giá xác nhận khối lượng công việc và kinh phí đã thực hiện của bên B (lần 2), Bên A xem xét để quyết định cấp tiếp 15% giá trị hợp đồng, tương đương 122.550.000 đồng (*bằng chữ:* Một trăm hai mươi hai triệu năm trăm năm mươi nghìn đồng) để Bên B thực hiện nội dung hợp đồng năm thứ ba (12 tháng).

d) **Cấp kinh phí đợt 4:** Bên A cấp 5% giá trị còn lại của hợp đồng, tương đương 40.850.000 đồng (*bằng chữ:* Bốn mươi triệu tám trăm năm mươi nghìn đồng) sau khi bên A đánh giá nghiệm thu và công nhận kết quả “Đạt” của đề tài.

#### **Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của các bên**

##### **1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A**

a) Cung cấp các thông tin cần thiết cho việc triển khai, thực hiện Đề tài;

b) Cấp kinh phí từ nguồn vốn của bên A cho Bên B để thực hiện Đề tài theo tiến độ Hợp đồng khi bên B đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Bên A để được cấp kinh phí.

c) Phê duyệt kế hoạch đấu thầu mua sắm nguyên vật liệu, thiết bị của Đề tài bằng kinh phí do Bên A cấp (nếu có);

d) Trước mỗi đợt cấp kinh phí, trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện Đề tài của Bên B, Bên A căn cứ vào sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành theo Thuyết minh để cấp tiếp kinh phí thực hiện Hợp đồng. Bên A có quyền thay đổi tiến độ cấp hoặc ngừng cấp kinh phí nếu Bên B không hoàn thành công việc đúng tiến độ, đúng nội dung công việc được giao;

đ) Tổ chức đánh giá định kỳ về tiến độ, kết quả thực hiện đề tài (nội dung khoa học và kinh phí);

Kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất để đánh giá tình hình Bên B thực hiện Đề tài theo Thuyết minh;

e) Kịp thời xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền giải quyết kiến nghị, đề xuất của Bên B về điều chỉnh nội dung chuyên môn, kinh phí và các vấn đề phát sinh khác trong quá trình thực hiện Đề tài;

g) Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện Đề tài của Bên B theo các yêu cầu, chỉ tiêu trong Thuyết minh;

h) Có trách nhiệm cùng Bên B tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định hiện hành;



i) Ủy quyền cho Bên B tiến hành đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với kết quả thực hiện Đề tài theo quy định hiện hành;

k) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

## **2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B**

a) Triển khai đầy đủ các nội dung nghiên cứu của Đề tài đáp ứng các yêu cầu chất lượng, tiến độ và kết quả theo Thuyết minh. Xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trong đó quy định quy chế chi tiêu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ để áp dụng công khai và minh bạch;

b) Kiến nghị, đề xuất điều chỉnh các nội dung chuyên môn, kinh phí và thời hạn thực hiện Hợp đồng khi cần thiết;

c) Sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng chế độ hiện hành và có hiệu quả. Đối với kinh phí được giao khoán, Chủ nhiệm đề tài triển khai thực hiện theo phương án đã được tổ chức chủ trì phê duyệt;

d) Xây dựng kế hoạch đấu thầu mua sắm nguyên vật liệu, thiết bị (nếu có), xin phê duyệt và thực hiện triển khai theo quy định;

đ) Chấp hành các quy định pháp luật trong quá trình thực hiện Hợp đồng. Tạo điều kiện thuận lợi và cung cấp đầy đủ thông tin cho các cơ quan quản lý trong việc giám sát, kiểm tra, thanh tra đối với Đề tài theo quy định của pháp luật;

e) Gửi Báo cáo định kỳ (12 tháng một lần kể từ ngày ký hợp đồng) cho Bên A và báo cáo đột xuất về tình hình thực hiện Đề tài khi có yêu cầu của Bên A.

Trong thời hạn 30 ngày sau khi kết thúc thời hạn thực hiện hợp đồng (kể cả thời gian gia hạn nếu có), Bên B có trách nhiệm xây dựng và gửi Báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện đề tài cho Bên A.

Trường hợp đề tài không có khả năng hoàn thành đúng thời hạn theo Hợp đồng, chậm nhất 60 ngày trước khi kết thúc thời hạn thực hiện Hợp đồng, Bên B phải báo cáo bằng văn bản giải trình rõ lý do và kiến nghị về việc gia hạn thời gian thực hiện đề tài gửi Bên A. Trong vòng 30 ngày, Bên A sẽ có văn bản trả lời về việc chấp nhận hoặc không chấp nhận kéo dài thời hạn thực hiện Hợp đồng cho Bên B.

g) Có trách nhiệm cùng Bên A tiến hành thanh lý Hợp đồng theo quy định;

h) Đảm bảo đạo đức khoa học đối với nội dung nghiên cứu của đề tài;

i) Thực hiện việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ theo ủy quyền của Bên A đối với kết quả nghiên cứu;

k) Công bố kết quả thực hiện Đề tài sau khi được Bên A cho phép;

l) Hưởng quyền tác giả bao gồm cả các lợi ích thu được (nếu có) từ việc khai thác thương mại các kết quả thực hiện Đề tài theo quy định pháp luật;

m) Có trách nhiệm chuyển giao kết quả nghiên cứu theo quy định của Bên A và cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền;



n) Báo cáo cho Bên A các kết quả nghiên cứu. Ghi nhận sự tài trợ của Bên A trong các kết quả nghiên cứu của Đề tài được công bố, đăng tải cũng như trong các hoạt động khác liên quan đến Đề tài như sau:

+ Đối với các tài liệu tiếng Anh: "This research is funded by Vietnam National Foundation for Science and Technology Development (NAFOSTED) under grant number 105.01-2020.13".

+ Đối với các tài liệu tiếng Việt: "Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia (NAFOSTED) trong đề tài mã số 105.01-2020.13".

o) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định Luật khoa học và công nghệ và các văn bản liên quan.

### **Điều 5. Chấm dứt Hợp đồng**

Hợp đồng này chấm dứt trong các trường hợp sau:

1. Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu, thanh lý.
2. Có căn cứ để khẳng định việc thực hiện hoặc tiếp tục thực hiện Đề tài là không cần thiết và hai bên đồng ý chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn.
3. Bên B bị đình chỉ thực hiện Đề tài theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.
4. Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định.
5. Bên A vi phạm một trong các điều kiện dẫn đến việc Đề tài không thể tiếp tục thực hiện do:

a) Không cấp đủ kinh phí theo tiến độ thực hiện Đề tài mà không có lý do chính đáng;

b) Không kịp thời giải quyết những kiến nghị, đề xuất của Bên B theo quy định của pháp luật.

### **Điều 6. Xử lý tài chính khi chấm dứt Hợp đồng**

1. Đối với Đề tài đã kết thúc và được nghiệm thu:

a) Đề tài đã kết thúc và đánh giá nghiệm thu từ mức "Đạt" trở lên thì Bên A quyết toán kinh phí cho Bên B theo quy định tại Hợp đồng này căn cứ trên hồ sơ chứng từ phát sinh chi thực tế.

b) Trường hợp đề tài đã kết thúc và kết quả đánh giá "Không đạt" thì Bên A xem xét, quyết toán kinh phí cho Bên B trên cơ sở kết luận của Hội đồng đánh giá hoặc chuyên gia đánh giá độc lập về nguyên nhân, trách nhiệm và những nội dung công việc mà Bên B đã thực hiện có sản phẩm thực tế được đánh giá.

Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với khoản kinh phí đã sử dụng được áp dụng xử lý đối với trường hợp đề tài không hoàn thành được quy định tại Điều 16 Thông tư liên tịch 27/2015/TTLT-BKH-CN-BTC ngày 30/12/2015 của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ quy định khoản chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng ngân sách



nhà nước.

Trường hợp Đề tài không hoàn thành do một trong các đại diện của Bên B không còn mà hai Bên không thống nhất được đại diện khác thay thế thì đại diện còn lại của Bên B có trách nhiệm hoàn lại cho Bên A số kinh phí đã cấp nhưng chưa sử dụng. Đối với phần kinh phí đã cấp và đã sử dụng thì hai Bên cùng phối hợp xác định khối lượng công việc đã triển khai phù hợp với kinh phí đã sử dụng để làm căn cứ quyết toán theo quy định hiện hành.

2. Đối với Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện:

a) Trường hợp Đề tài chấm dứt khi có căn cứ khẳng định không còn nhu cầu thực hiện thì hai bên cùng nhau xác định khối lượng công việc Bên B đã thực hiện để làm căn cứ thanh toán số kinh phí Bên B đã sử dụng nhằm thực hiện Đề tài và thu hồi số kinh phí còn lại đã cấp cho Bên B.

b) Trường hợp hai bên thoả thuận ký Hợp đồng mới để thay thế và kết quả nghiên cứu của Hợp đồng cũ là một bộ phận cấu thành kết quả nghiên cứu của Hợp đồng mới thì số kinh phí đã cấp cho Hợp đồng cũ được tính vào kinh phí cấp cho Hợp đồng mới và được tiếp tục thực hiện với Hợp đồng mới.

3. Đối với Đề tài bị đình chỉ theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền hoặc Hợp đồng bị chấm dứt do Bên B không nộp hồ sơ để đánh giá, nghiệm thu Đề tài theo quy định pháp luật thì Bên B có trách nhiệm hoàn trả toàn bộ số kinh phí ngân sách nhà nước đã được cấp nhưng chưa sử dụng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền và theo quy định hiện hành.

4. Đối với Đề tài không hoàn thành do lỗi của Bên A dẫn đến việc chấm dứt Hợp đồng thì Bên B không phải bồi hoàn số kinh phí đã sử dụng để thực hiện Đề tài nhưng vẫn phải thực hiện việc quyết toán kinh phí theo quy định của pháp luật.

## **Điều 7. Điều khoản khác**

1. Việc tổ chức thực hiện và đánh giá nghiệm thu đề tài theo quy định tại Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ về Quy định quản lý đề tài nghiên cứu cơ bản do Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia tài trợ.

2. Trường hợp do điều kiện khách quan bên A chưa nhận được nguồn kinh phí bổ sung từ Ngân sách nhà nước, tiến độ cấp kinh phí thực hiện đề tài của bên A cho bên B không đáp ứng được theo quy định tại Khoản 3, Điều 3 của Hợp đồng này thì bên A sẽ có trách nhiệm thông báo trên trang thông tin điện tử của Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ Quốc gia. Hai bên sẽ thống nhất điều chỉnh lại tiến độ thực hiện đề tài (nếu bên B có nhu cầu).

3. Bên B nêu rõ trong lời cảm ơn các nội dung tài trợ của từng tổ chức tài trợ trong trường hợp ghi nhận sự tài trợ của các tổ chức tài trợ khác ngoài bên A trong các sản phẩm của đề tài.

4. Đối với các đề tài được giao khoán theo hình thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng, các sản phẩm chính của đề tài theo quy định tại Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014 bao gồm: bài báo đăng trên tạp chí ISI có uy tín, quốc tế



có uy tín và quốc gia có uy tín. Các sản phẩm dự kiến khác theo thuyết minh đề cương đã được phê duyệt (bài báo quốc tế khác, báo cáo tại hội nghị khoa học quốc gia, quốc tế, đào tạo, ...) được HĐKH đánh giá, công nhận trong quá trình nghiệm thu đề tài.

### **Điều 8. Cam kết**

1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu một trong hai bên có yêu cầu sửa đổi, bổ sung nội dung hoặc có căn cứ để chấm dứt thực hiện Hợp đồng thì phải thông báo cho bên kia ít nhất là 30 ngày làm việc trước khi tiến hành sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt thực hiện Hợp đồng, xác định trách nhiệm của mỗi bên và hình thức xử lý. Việc sửa đổi, bổ sung được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 37/2014/TT-BKHCN ngày 12/12/2014. Các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có) là bộ phận của Hợp đồng và là căn cứ để nghiệm thu kết quả của Đề tài.

2. Khi một trong hai bên gặp phải trường hợp bất khả kháng dẫn đến việc không thể hoặc chậm thực hiện nghĩa vụ đã thỏa thuận trong Hợp đồng thì có trách nhiệm thông báo cho Bên kia trong 10 ngày làm việc kể từ ngày xảy ra sự kiện bất khả kháng. Hai bên có trách nhiệm phối hợp xác định nguyên nhân và báo cáo cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Hai bên cam kết thực hiện đúng các quy định của Hợp đồng và có trách nhiệm hợp tác giải quyết các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện. Bên vi phạm các cam kết trong Hợp đồng phải chịu trách nhiệm theo quy định pháp luật.

4. Mọi tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện Hợp đồng do các bên thương lượng hoà giải để giải quyết. Trường hợp không hoà giải được thì một trong hai bên có quyền đưa tranh chấp ra Trọng tài để giải quyết (hoặc khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự).

### **Điều 9. Hiệu lực của Hợp đồng**

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Hợp đồng này gồm 07 trang, được lập thành 10 bản và có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 05 bản./.

**ĐẠI DIỆN BÊN A**  
**QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ**  
**CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**



**Đỗ Tiến Dũng**

**ĐẠI DIỆN BÊN B**  
**Trường Đại học Mở - Địa chất**  
**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thanh Hải**

**CHỦ NHIỆM ĐỀ TÀI**

**Nguyễn Khắc Du**



## Tổng kinh phí yêu cầu Quỹ tài trợ

Đơn vị: đồng

TT	Các khoản chi phí	Dự toán kinh phí			Yêu cầu cấp kinh phí theo tiến độ		
		Tổng	Trong đó khoản chi	%	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3
<b>A</b>	<b>Chi phí trực tiếp</b>	776.150.000	776.150.000	95,00%	388.075.000	232.845.000	155.230.000
1	Nhân công lao động khoa học	540.000.000	540.000.000	66,10%	309.125.000	144.245.000	86.630.000
2	Nguyên vật liệu	-		0,00%	-	-	-
3	Thiết bị, dụng cụ	-		0,00%	-	-	-
4	Đi lại, công tác phí	169.800.000	169.800.000	20,78%	56.600.000	56.600.000	56.600.000
5	Phí dịch vụ thuê ngoài	36.000.000	36.000.000	4,41%	12.000.000	12.000.000	12.000.000
6	Chi phí trực tiếp khác	30.350.000	30.350.000	3,71%	10.350.000	20.000.000	
<b>B</b>	<b>Chi phí gián tiếp</b>	40.850.000	40.850.000	5,00%	20.425.000	12.255.000	8.170.000
1	Chi phí quản lý của tổ chức chủ trì (1)	40.850.000	40.850.000	5,00%	20.425.000	12.255.000	8.170.000
	<b>Cộng:</b>	817.000.000	817.000.000	100%	408.500.000	245.100.000	163.400.000

(1) Định mức chi phí gián tiếp được xác định bằng 5% tổng chi phí của đề tài (không quá 200 triệu đồng). *pmc*

**Giám đốc**  
**Quỹ Phát triển KH&CN Quốc gia**



**Đỗ Tiến Dũng**

Ngày 15 tháng 10 năm 2020

**Chủ nhiệm đề tài**

*Handwritten signature*

**Nguyễn Khắc Du**



**Trần Thanh Hải**

## 1. Nhân công lao động khoa học (khoán chi )

Công lao động khoa học thực hiện theo mức lương cơ bản (đồng): **1.490.000**

TT	Chức danh <sup>(1)</sup>	Số người	Tổng số ngày công (snc)	Hệ số tiền công theo ngày (hstctn)	Thành tiền (đồng) (snc x hstctn x lcs)
1	<b>Chủ nhiệm đề tài:</b>	<b>1</b>	<b>185</b>	<b>0,79</b>	<b>217.763.500</b>
	TS. Nguyễn Khắc Du		185		217.763.500
2	<b>Thành viên nghiên cứu chủ chốt, thư ký đề tài:</b>	<b>4</b>	<b>363</b>	<b>0,49</b>	<b>265.020.500</b>
	TS. Bùi Vinh Hậu (Thư ký)		140		102.214.000
	GS. Tomoaki Morishita (Cộng tác viên)			Không tính công	0
	TS. Khương Thế Hùng		113		82.495.500
	TS. Tô Xuân Bản		110		80.311.000
3	Nghiên cứu sinh:	-	0	<b>0,25</b>	0
					0
4	<b>Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ khác:</b>	<b>2</b>	<b>240</b>	<b>0,16</b>	<b>57.216.000</b>
	TS. Nguyễn Thị Thanh Thảo		120		28.608.000
	ThS. Đỗ Mạnh An		120		28.608.000
<b>Cộng:</b>		<b>7</b>			<b>540.000.000</b>

(1) Ghi rõ chức danh khoa học, học vị, họ tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài.

(2) Công lao động khoa học thực hiện theo Thông tư số 55/2015/TTLT/BTC-BKHCN: Ngày công lao động quy đổi 8h/1 ngày; trên 4h được tính 1 ngày công.

(3) Tiền công của Kỹ thuật viên, NV hỗ trợ Không quá 20% tổng dự toán tiền công của CNĐT, Thư ký KH, Thành viên nghiên cứu chủ chốt và nghiên cứu sinh.